

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày: 20/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ánh Linh.
2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Trọng Ph, sinh ngày 10/6/1996; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: không; chỗ ở hiện nay: tổ 02, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị Bích L;

Tiền sự:

- Ngày 08/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng, chấp hành xong ngày 25/01/2018.

- Ngày 17/6/2017 bị Công an phường Núi Sam ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng chất ma túy.

Tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 09/10/2017 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Hiền Ph1, sinh năm 1962; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm G, phường H, thành phố M; chỗ ở hiện nay: tổ 4, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: thu mua phế liệu; trình độ học vấn: không biết

chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hiền C (chết) và bà Nguyễn Thị Ngh;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Ph1: Ông Trần Phước T, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang; có mặt.

Người bị hại: Ông Lê Hồng T, sinh năm 1950; ĐKKHKT: tổ 20, khóm D, phường N, thành phố D; nơi cư trú: tổ 02, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Võ Thị Định T1 (Huệ H), sinh năm 1957; nơi cư trú: tổ 20, khóm V, phường S, tỉnh An Giang; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Lê Thanh H, sinh năm 1965; nơi cư trú: tổ 2, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ 2, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bà Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ 4, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:

Các bị cáo Lê Trọng Ph, Đặng Hiền Nhân bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền mua ma túy sử dụng, khoảng 17 giờ 00 Pht ngày 16/6/2017, Lê Trọng Ph đi bộ đến Am Bát Quái thuộc tổ 02, ấp Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tìm tài sản lấy trộm, đến nơi Ph thấy không có người trông giữ, phía sau có lỗ trống giữa vách tường với mái nhà phía sau nên Ph leo vào bên trong, đi vào bếp lấy 01 cây búa, 01 cây xà ben tháo dây cố định trên giá gỗ lấy trộm 01 cái chuông bằng kim loại màu đen cao 69,5cm, đường kính miệng chuông 38cm, đường kính đáy chuông 18cm, móc treo chuông có hình 02 đầu rồng, chuông nặng 23kg, Ph để chuông vào bao nylon mở cửa chính đi ra ngoài mang đến nhà Đặng Hiền Ph1 (thuộc tổ 4, khóm V, phường S, thành phố C), cho Ph1 biết do Ph lấy trộm, Ph1 đồng ý mua với giá 700.000 đồng. Đến sáng ngày 17/6/2017 bà Võ Định T1 và ông Lê Hồng T, người quản lý Am phát hiện sự việc đi trình báo Công an phường Núi Sam.

Ngày 17/6/2017, tại công an phường Núi Sam, Lê Trọng Ph và Đặng Hiền Nhân đã khai nhận hành vi lấy trộm và tiêu thụ cái chuông bằng kim loại của Am Bát Quái.

Kết luận định giá tài sản số 131/KL-ĐG, ngày 20/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 01 (một) cái chuông bằng kim loại màu đen, cân nặng 23kg, chiều cao 69,5 cm, đường kính miệng chuông 38cm, đường kính đáy chuông 18cm, móc treo chuông có hình 02 đầu rồng, đã qua sử dụng. Tỷ lệ sử dụng còn lại: 70%; giá trị còn lại: 3.000.000 đồng.

Cáo trạng số 19/VKS.HS ngày 18 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố Lê Trọng Ph về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Đặng Hiền Ph1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 01 Điều 250 Bộ hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như cáo trạng Viện Kiểm sát truy tố. Bị cáo Ph cho biết mục đích lấy trộm để có tiền mua ma túy sử dụng. Bị cáo Ph1 không yêu cầu bị cáo Ph hoàn trả lại 700.000 đồng. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Định T1 trình bày: Cái chuông bằng kim loại màu đen mà bị cáo Ph chiếm đoạt là của gia đình sau khi mẹ ông T chết giao lại vợ chồng quản lý, chuông có từ lâu lưu truyền từ nhiều đời, bà và ông T đã nhận lại tài sản, yêu cầu nhận lại 01 cây xà ben và 01 cây búa (vật chứng trong vụ án) và không có ý kiến nào khác.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định bị cáo Ph có hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của ông T, bà T1 và bị cáo Ph1 biết tài sản trộm mà vẫn tiêu thụ nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 01 Điều 250 Bộ hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Tài sản đã thu hồi được trả lại cho người bị hại và không có yêu cầu khác đối các bị cáo nên không đề cập trong vụ án.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo Ph1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người có công cách mạng, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong khi lượng hình.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự 2015) hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Do vậy, đề nghị áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Lê Trọng Ph từ 09 tháng đến 01 năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ Luật hình sự năm 1999; điểm i, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Đặng Hiền Ph1 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đề nghị giao trả cho ông T, bà T1: 01 cây xà beng bằng kim loại đã gỉ sét dài 07cm, đường kính 02cm, 01 đầu dẹt và 01 đầu có rãnh hình chữ V đã qua sử dụng; 01 cây búa cán bằng gỗ dài 32cm, đầu búa bằng kim loại màu đen, kích thước 9,5cm x 2,3cm gồm 01 đầu vuông 2,3cm và 01 đầu dẹt có rãnh hình chữ V, phần cán bằng gỗ dài 32cm x 03cm x 2,1cm đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu khác và bị cáo Ph1 không yêu cầu bị cáo Ph trả lại tiền nên không đề cập xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo Ph1 trình bày: Thống nhất với tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Ph1 cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể: bị cáo từ nhỏ sống với gia đình đến năm 1985 thì tham gia chiến trường biên giới Tây Nam Campuchia bị thương tích và được cấp giấy thương binh năm 1987; bị cáo là người không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Nhằm thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật nước ta đối với những người biết ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo bằng mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên,

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người bị hại ông T và những người làm chứng ông Hào, bà Th vắng mặt. Xét, người bị hại và người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu nào khác đối với bị cáo nên việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Về nội dung,

[Hành vi phạm tội]:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của từng bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Bên cạnh đó, lời khai của bị cáo Ph còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do cơ quan có thẩm quyền lập; vật chứng thu giữ là 01 chuông bằng kim loại màu đen bị chiếm đoạt ngày 16/6/2017 do bị cáo Đặng Hiền Ph1 giao nộp; lời khai của bà Võ Thị Định T1, ông Lê Hồng T về việc bị mất tài sản.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện người bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo Ph đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại với trị giá 3.000.000 đồng theo Kết luận định giá 131/KL-ĐG, ngày 20/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản.

Bị cáo Ph là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T1, ông T là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng lúc không có người trông coi tài sản, mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ. Vì vậy, hành vi của bị cáo Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Ph1, mặc dù biết cái chuông bằng kim loại mà bị cáo Ph bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn nhận mua nên hành vi của bị

cáo Ph1 đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo Ph và bị cáo Ph1 không bàn bạc trước việc bị cáo Ph chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo Ph1 là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo Ph1 vẫn mong muốn thực hiện thông qua sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo Ph1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Bị cáo Ph đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại để có tiền mua ma túy sử dụng; bị cáo Ph1 vì hám lợi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự]:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản được thu hồi trả lại cho người bị hại; riêng bị cáo Ph1 được cấp giấy thương binh hạng ba là người có công cách mạng, chưa có tiền án, tiền sự, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ph1, bị cáo Ph trong khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Ph1.

[Về hình phạt bổ sung]:

Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[Về trách nhiệm dân sự]:

Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu khác và bị cáo Ph1 không có yêu cầu bị cáo Ph trả 700.000 đồng nên không đề cập giải quyết.

Trong vụ án, bị cáo Ph đã thu lợi bất chính số tiền 700.000 đồng (do bán cái chuông cho bị cáo Ph1), bị cáo Ph1 không yêu cầu bị cáo Ph bồi thường nhưng đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có xét buộc bị cáo Ph giao nộp 700.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.

[Về xử lý vật chứng]:

- 01 cây xà beng bằng kim loại đã gỉ sét dài 07cm, đường kính 02cm, 01 đầu dẹt và 01 đầu có rãnh hình chữ V đã qua sử dụng;

- 01 cây búa cán bằng gỗ dài 32cm, đầu búa bằng kim loại màu đen, kích thước 9,5cm x 2,3cm gồm 01 đầu vuông 2,3cm và 01 đầu dẹt có rãnh hình chữ V, phần cán bằng gỗ dài 32cm x 03cm x 2,1cm đã qua sử dụng.

Được thu giữ trong vụ án thuộc sở hữu của ông T và bà T1, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, tại phiên tòa bà T1 có yêu cầu nhận lại xét giao trả cho ông T, bà T1.

[Về án phí]: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Tuyên bố bị cáo Lê Trọng Ph phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Lê Trọng Ph : 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Lê Trọng Ph được tính kể từ ngày 09/10/2017 (*Chín, tháng mười, năm hai nghìn không trăm mười bảy*).

Căn cứ khoản 1 Điều 250, Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 36, điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Tuyên bố bị cáo Đặng Hiền Ph1 phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Hiền Ph1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Hiền Ph1 cho Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang giám sát và giáo dục.

Căn cứ Điều 47, điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Buộc bị cáo Lê Trọng Ph giao nộp 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao trả cho ông Lê Hồng T và bà Võ Thị Định T1:

- 01 cây xà beng bằng kim loại đã gỉ sét dài 07cm, đường kính 02cm, 01 đầu dẹt và 01 đầu có rãnh hình chữ V đã qua sử dụng;

- 01 cây búa cán bằng gỗ dài 32cm, đầu búa bằng kim loại màu đen, kích thước 9,5cm x 2,3cm gồm 01 đầu vuông 2,3cm và 01 đầu dẹt có rãnh hình chữ V, phần cán bằng gỗ dài 32cm x 03cm x 2,1cm đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Trọng Ph và Đặng Hiền Ph1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử Phc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).